TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **242**/2022/DS-ST
Ngày: 01-7-2022
V/v *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tạ Công Minh

2/ Ông Phùng Văn Long

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tuyền - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Triệu Thị Bé S,** sinh năm: 1973

Địa chỉ: ấp TH, xã TCN, huyện CT, tỉnh TG.

Đại diện ủy quyền: **Nguyễn Minh Hoàng H**, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Số A khu phố B, phường C, thành phố MT, tỉnh TG.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 14/02/2022).

- *Bị đơn*: **Trương Thị Ngọc T**, sinh năm: 1964

Địa chỉ: C/A ấp R, thị trấn TH, huyện CT, tỉnh TG.

(Chị H có đơn xin vắng mặt; chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2017 chị S có tham gia 02 dây hụi do chị Trương Thị Ngọc T (tên thường gọi là MM) làm chủ, cụ thể:

- Dây thứ nhất: Hụi loại 2.000.000đồng, mỗi tháng khui một lần, khởi khui ngày 29/7/2017, gồm 24 phần, chị S tham gia 01 phần. Đến ngày 29/6/2019 thì hụi mãn và chị S là người hốt hụi chót nhưng chị T không giao tiền hụi cho chị S. Dây hụi này chị T còn nợ lại chị S số tiền là (23 phần x 2.000.000đồng) – 1.000.000đồng tiền huê hồng = 45.000.000đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi loại 3.000.000đồng, mỗi tháng khui một lần, khởi khui ngày 15/9/2017, gồm 24 phần, chị S tham gia 01 phần. Từ ngày tham gia chị S đóng hụi đến ngày 15/6/2019 được 22 kỳ thì chị T tuyên bố ngưng hụi. Dây hụi này chị S vẫn chưa hốt hụi.

Sau khi ngưng hụi, ngày 20/7/2019 chị S và chị T chốt tiền nợ hụi thì hai bên thống nhất đối với dây hụi 2.000.000đồng khui ngày 29/7/2017 hiện đã mãn thì chị T nợ chị S số tiền là 45.000.000đồng, dây hụi 3.000.000đồng khui ngày 15/9/2017 bị bể, chị S đã đóng được 22 kỳ hụi sống với số tiền là 66.000.000đồng. Chị T có lập giấy nợ và ký tên xác nhận số tiền còn nợ chị S là 111.000.000đồng và xin trả dần. Từ ngày 21/7/2019 đến ngày 04/3/2021 chị T có trả cho chị S được số tiền là 22.100.000đồng, còn nợ lại số tiền là 88.900.000đồng. Chị T có ký tên đối chiếu nợ và xác nhận còn nợ chị S số tiền là 90.000.000đồng (do chị T tự làm tròn). Sau đó thì chị T không trả nữa kéo dài cho đến nay. Nay chị S yêu cầu chị Trương Thị Ngọc T trả cho chị S số tiền hụi còn nợ lại là 88.900.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu thực hiện một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn chị Trương Thị Ngọc T vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2022 chị T trình bày:

Chị T thống nhất theo toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn và thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền hụi là 88.900.000đồng. Nay chị T đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần mỗi tháng là 300.000đồng cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ, bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị Bé S, buộc bị đơn chị Trương Thị Ngọc T trả cho nguyên đơn số tiền là 88.900.000đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về tố tụng: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Minh Hoàng H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Trương Thị Ngọc T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H và chị T.

[2] – Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất vào năm 2017 chị S có tham gia chơi hụi do chị T làm chủ. Sau khi hụi bị bể, hai bên kết nợ thì chị T còn nợ chị S số tiền là 111.000.000đồng, có viết giấy tay và chị T có ký tên xác nhận nợ. Từ ngày 21/7/2019 đến ngày 04/3/2021 chị S cho chị T trả dần được số tiền là 22.100.000đồng còn nợ lại số tiền 88.900.000đồng. Tuy nhiên, sau đó thì chị T không tiếp tục thực hiện việc trả dần nữa. Bị đơn chị T cũng thừa nhận số tiền nợ nêu trên. Lời khai này của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nêu trên là sự thật. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị T còn nợ chị S số tiền là 88.900.000đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nợ nhưng bị đơn cứ hứa hẹn kéo dài thời gian trả nợ là gây thiệt thòi quyền lợi cho nguyên đơn, do đó cần buộc bị đơn trả số tiền 88.900.000đồng cho nguyên đơn trong một thời gian nhất định, vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lãi suất do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi vi phạm thỏa thuận đến ngày xét xử, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử

không xem xét.

[4] Xét yêu cầu xin trả dần của bị đơn xin trả dần mỗi tháng là 300.000đồng, yêu cầu này không được nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn chị Trương Thị Ngọc T có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị Bé S.

Buộc chị Trương Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho chị Triệu Thị Bé S số tiền là 88.900.000đồng (Tám mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị S có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị T chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Ngọc T phải chịu 4.445.000đồng.

Hoàn lại cho chị Triệu Thị Bé S số tiền là 2.223.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004235 ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Chinh